

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/DS-ST
Ngày: 24-9-2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ái Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Kha

Ông Phạm Phi Long

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Lâm, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2019 về việc: “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Ánh P, sinh năm 1970,

Địa chỉ: Ấp A, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1975, địa chỉ: Ấp A, xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/5/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Ánh P trình bày: Bà bán thuốc, thức ăn thủy sản tại ấp A, xã H. Năm 2014 bà có bán thức ăn, thuốc thủy sản cho bà Nguyễn Thị T, chồng là ông Nguyễn Văn Y, tổng kết lại bà T, ông Y nợ bà số tiền 36.958.000 đồng, có ghi biên nhận nợ và hứa khi thu hoạch xong sẽ thanh toán tiền, nhưng bà T ông Y không thực hiện đúng cam kết. Bà nhiều lần yêu cầu bà T ông Y trả tiền nhưng ông Y bà T không trả. Bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn Y bà Nguyễn Thị T

trả số tiền còn thiếu là 36.958.000 đồng, yêu cầu tiền lãi theo lãi suất 1,124%/tháng tính từ ngày 01/01/2015 cho đến khi xét xử xong. Tại phiên hòa giải ngày 05/9/2019 bà và ông Y đã đối chiếu lại sổ sách, theo đó ông Y, bà T còn nợ bà số tiền 30.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà yêu cầu ông Nguyễn Văn Y, bà Nguyễn Thị T trả cho bà số tiền còn thiếu là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, yêu cầu tính lãi theo lãi suất 8%/năm tính từ ngày 27/8/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm là 9.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/9/2019 bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn Y có mua thức ăn, thuốc thủy sản ở cửa hàng của bà Lê Thị Ánh P, thời gian khoảng năm 2014 đến tháng 8/2015, do bị thua lỗ nên bà không có tiền trả cho bà P thì bà P ngưng không bán cho bà nữa, bà phải đi mua thức ăn ở đại lý khác và trả tiền cho họ, không có trả cho bà P. Số tiền thức ăn bà còn thiếu lại của bà P là 30.000.000 đồng, bà đồng ý trả cho bà P, nhưng yêu cầu bà P phải trả cho bà số tiền 1.500.000 đồng là tiền dẫn cò mua tôm. Bà không đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của bà P vì trong tiền thức ăn bán thiếu đã có tiền lãi rồi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/8/2019 và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Y trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng, ông bà có nuôi trồng thủy sản tại ấp A, xã H, quá trình chăn nuôi có hợp đồng mua thức ăn, thuốc thủy sản tại đại lý của bà Lê Thị Ánh P, việc mua bán theo hình thức ông đến đại lý lấy thức ăn, thuốc thủy sản, bên đại lý ghi vào hai quyển sổ, một sổ đại lý theo dõi và một sổ do ông giữ, đến khi thu hoạch tổng kết lại mới thanh toán tiền. Năm 2014 nuôi tôm bị thất bại, không có tiền trả cho bà P nên bà P không đầu tư cho ông nuôi tiếp nên không có điều kiện trả nợ, ông phải mua thức ăn ở đại lý khác. Số tiền thiếu bà P còn lại là 30.000.000 đồng thì ông đồng ý trả, nhưng điều kiện ông khó khăn nên xin được trả dần, về tiền lãi ông xin không trả vì trong tiền thức ăn thiếu đã có tiền lãi.

Quan điểm của vị kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải:

Về tố tụng: Về trình tự thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng theo quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn kiện, thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt hợp lệ, đầy đủ và tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu số tiền 1.500.000 đồng của bà T là yêu cầu phản tố, nhưng bà T không làm đơn, không nộp tạm ứng án phí, yêu cầu đưa ra sau khi đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử nên không chấp nhận. Căn cứ Điều 288, 357, 430, 440, 688 bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn Y có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Ánh P số tiền 30.000.000 đồng, và tiền lãi tính từ ngày 27/8/2015 đến ngày 24/9/2019 là 9.000.000 đồng; Đình chỉ xét xử đối với phần nguyên đơn rút lại yêu cầu; Về án phí sơ thẩm đề nghị giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lê Thị Ánh P khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn Y trả số tiền thiếu từ việc mua bán thức ăn, thuốc thủy sản, đây là quan hệ tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn Y có nơi cư trú tại xã H, thị xã D, tỉnh Trà Vinh nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền còn thiếu và tiền lãi. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần yêu cầu đã rút của nguyên đơn. Nguyên đơn không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[4] Về áp dụng pháp luật nội dung: Việc mua bán giữa bà P, bà T, ông Y được thực hiện vào năm 2014-2015, nhưng đến nay bà T ông Y chưa thanh toán hết tiền mua hàng cho bà P, đây là giao dịch dân sự xác lập trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực, nên về nguyên tắc việc pháp luật áp dụng để giải quyết tranh chấp là Bộ luật Dân sự năm 2005 (pháp luật tại thời điểm xác lập giao dịch dân sự). Tuy nhiên, tại thời điểm xét xử sơ thẩm thì Bộ luật Dân sự năm 2015 đang có hiệu lực thi hành và theo điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định điều khoản chuyển tiếp như sau: “Giao dịch dân sự chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật này”, do đó áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[5] Thời gian năm 2014-2015 ông Nguyễn Văn Y, Bà Nguyễn Thị T có mua thuốc, thức ăn thủy sản tại cửa hàng của bà Lê Thị Ánh P, sau khi đối chiếu lại sổ sách, ông Y, bà T còn thiếu lại bà P số tiền 30.000.000 đồng, đây là sự việc có thật được các đương sự thừa nhận, không phải chứng minh.

Tại khoản 1, 2 Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng. 2. Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao tài sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản”. Ông Y cho rằng lúc mua bán ông và bà P không có thỏa thuận thời gian trả tiền, theo sổ mua bán ông Y cung cấp, thời điểm mua hàng cuối cùng là ngày 27/8/2015, nhưng đến nay ông và bà T không thanh toán hết số tiền còn lại cho bà P. Do bà T, ông Y đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên bà P khởi kiện bà T, ông Y là có cơ sở. Từ đó Hội đồng xét xử xét thấy

cần buộc bà T, ông Y có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền mua thức ăn, thuốc thủy sản còn thiếu là 30.000.000 đồng.

[6] Đối với việc bà T yêu cầu bà P trả số tiền dẫn mối mua tôm là 1.500.000 đồng. Xét thấy, đây là yêu cầu phản tố nhằm đòi trừ với nghĩa vụ mà nguyên đơn yêu cầu, tuy nhiên sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý tổng đạt hợp lệ cho bà T nhận, nhưng bà T không có văn bản nêu ý kiến, cũng không có đơn yêu cầu phản tố và nộp tiền tạm ứng án phí. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bà T cũng vắng mặt, sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà T mới đặt ra yêu cầu này, do đó không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà T, dành cho bà T một vụ kiện dân sự khác đối với bà P để đòi lại số tiền 1.500.000 đồng nếu có yêu cầu.

[7] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: bà P yêu cầu ông Y, bà T phải trả lãi theo lãi suất 8%/năm từ ngày 27/8/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/9/2019 là 9.000.000 đồng. Tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này”. Tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

Xét yêu cầu tính lãi suất của bà P là thấp hơn mức lãi suất quy định do đó chấp nhận yêu cầu của bà P, buộc ông Y, bà T có nghĩa vụ trả lãi đối với số tiền chậm trả cụ thể như sau: Từ ngày 27/8/2015 đến ngày 24/9/2019 là 04 năm 27 ngày x 30.000.000 đồng x 8%/năm = 9.780.000 đồng. Nhưng bà P chỉ yêu cầu số tiền lãi 9.000.000 đồng, do đó chấp nhận yêu cầu của bà P, buộc ông Nguyễn Văn Y, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền lãi bằng 9.000.000 đồng.

[8] Về án phí: ông Nguyễn Văn Y, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền có trách nhiệm trả. Bà Lê Thị Ánh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào 288, 357, 430, 433, 440, khoản 2 Điều 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ánh P.

Buộc ông Nguyễn Văn Y, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Ánh P số tiền mua thức ăn, thuốc thủy sản còn thiếu là 30.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả 9.000.000 đồng, tổng cộng 39.000.000 (Ba mươi chín triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Lê thị Ánh P với số tiền vốn 6.958.000đồng và một phần tiền lãi, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

3/Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn Y, bà Nguyễn Thị T phải chịu 1.950.000 đồng.

Bà Lê Thị Ánh P không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng án phí 923.950 đồng nộp theo biên lai thu số AA/2018/0004722, ngày 25/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải, được hoàn trả cho bà Lê Thị Ánh P.

Báo cho các đương sự có mặt tại Tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND thị xã Duyên Hải;
- Chi cục THADS thị xã Duyên Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ái Loan